

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa chị A và anh T”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Huệ.
- Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy A, sinh năm 1999.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 10, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT.

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Bích T, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Sáu, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Chị A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T và bà Sáu vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thùy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT vào ngày 10-02-2023 và đã được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với nhau tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do giữa chị và anh T bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau và do gia đình chồng có môi trường sống khác với chị, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Thời gian gần đây anh T còn đánh đập chị, chị đã ghi được lại clip cảnh anh T đánh chị vào ngày 21-9-2023 qua camera của nhà chồng và chị đã lưu trong điện thoại của mình. Ngày 22-9-2023 thì chị bay vào BR-VT vì chị không thể chịu được cảnh sống mà chồng thường xuyên chửi và đánh đập như vậy, khi đi chị bế theo con nhưng anh T và mẹ chồng không cho mặc dù cháu mới được hai tháng tuổi. Vì chị lo sợ anh T sẽ lại tiếp tục đánh chị trong khi chị vẫn chưa hồi phục sức khỏe sau sinh; nên chị chấp nhận ra đi một mình mà không thể đưa con theo cùng. Đến khoảng cuối tháng 10-2023, chị đã về xã H để đón con về BR-VT sinh sống cùng. Nay chị A xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và rất trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng đã không còn tồn tại từ nhiều tháng nay và chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với anh T, nên mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Do đó, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Bích T.

Về con chung: Vợ chồng chị A có 01 con chung là cháu Trần Bích B1, sinh ngày 27-7-2023. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị tại Tổ 10, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT. Ly hôn chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi con chung và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trước khi lấy chồng chị A làm nghề cắt tóc và làm nghề phục vụ nhà hàng, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Tuy nhiên sau khi lấy chồng thì chị mang thai và nghỉ làm. Nếu chị được nuôi con thì chị đủ các điều kiện về nơi ở, kinh tế và những điều kiện khác để cháu có thể phát triển tốt nhất.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Trần Bích T: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; Đại diện chính quyền xã H và bà Trần Thị Sáu (mẹ đẻ anh T) cung cấp:

Chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT vào ngày 10-02-2023; Hiện nay anh T cư trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; còn chị A đã bé con về Tổ 10, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT để sinh sống.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy A, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Bích B1, sinh ngày 27-7-2023 cho chị Trần Thị Thùy A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Bích T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T là đúng đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị A và anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của

vợ chồng chủ yếu là do tính cách không hợp và luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi, chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm.

Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị A và anh T đã trầm trọng, anh chị đã thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị A xác định vợ, chồng không còn khả năng đoàn tụ và không còn tình cảm gì với nhau nên quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T có 01 con chung là cháu Trần Bích B1, sinh ngày 27-7-2023 đang sống cùng với chị Trần Thị Thùy A.

Xét thấy chị A có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và hiện nay cháu vẫn đang sống cùng với chị A tại Tổ 10, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh BR-VT. Cháu B1 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu B1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho cháu được học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị; nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy A phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T.

2. Con chung:

Giao cháu Trần Bích B1, sinh ngày 27-7-2023 cho chị Trần Thị Thùy A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Bích

B1 thành niên, có khả năng lao động, tự lập được (Hiện nay cháu Trần Bích B1 đang ở cùng chị Trần Thị Thùy A).

Anh Trần Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị Thùy A.

Anh Trần Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Thùy A đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001704 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ (Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trần Thị Thùy A và anh Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
UBND xã L, TP Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
UBND xã H;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam